

Số: 19 /2013/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Quản lý tài sản); phát hành, quản lý và thanh toán trái phiếu đặc biệt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty Quản lý tài sản.
2. Tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).
3. Khách hàng vay.

4. Bên bảo đảm.

5. Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản; phát hành, quản lý và thanh toán trái phiếu đặc biệt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Tổ chức tín dụng bán nợ* là tổ chức tín dụng bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản.

2. *Cơ cấu lại nợ* là việc thực hiện điều chỉnh kỳ hạn trả nợ; gia hạn nợ; miễn, giảm lãi phạt, phí và lãi vay đã quá hạn thanh toán; điều chỉnh lãi suất của khoản nợ xấu.

3. *Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ* là việc chấp thuận thay đổi kỳ hạn trả nợ gốc, lãi trong phạm vi thời hạn trả nợ đã thoả thuận trước đó trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp, mà thời hạn trả nợ cuối cùng không thay đổi.

4. *Gia hạn nợ* là việc chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc, lãi vượt quá thời hạn trả nợ đã thoả thuận trước đó trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp.

5. *Tổ chức tín dụng được ủy quyền* là tổ chức tín dụng bán nợ được Công ty Quản lý tài sản ủy quyền thực hiện một hoặc một số hoạt động của Công ty Quản lý tài sản.

6. *Giá trị ghi sổ số dư nợ gốc* của khoản nợ xấu tại tổ chức tín dụng là số dư nợ gốc của khoản nợ xấu đang hạch toán nội bảng trên bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng; Giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu tại Công ty Quản lý tài sản là giá mua hoặc số dư nợ gốc của khoản nợ xấu đang hạch toán nội bảng trên bảng cân đối kế toán của Công ty Quản lý tài sản.

7. *Khoản nợ* là số dư nợ của hợp đồng hoặc thoả thuận cấp tín dụng, hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng.

8. *Trái phiếu đặc biệt* là giấy tờ có giá có thời hạn do Công ty Quản lý tài sản phát hành để mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

9. *Ngày phát hành trái phiếu đặc biệt* là ngày trái phiếu có hiệu lực và là thời điểm làm căn cứ để xác định ngày thanh toán gốc trái phiếu.

Điều 4. Ban hành, công khai các chính sách quản lý, quy định nội bộ về mua, bán, xử lý nợ xấu

1. Công ty Quản lý tài sản phải ban hành và triển khai các chính sách quản lý, quy định nội bộ về:

a) Các hoạt động được phép thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 53/2013/NĐ-CP);

b) Phát hành, quản lý và thanh toán trái phiếu đặc biệt;

c) Công khai, minh bạch về mua, bán và xử lý nợ xấu;

d) Cơ cấu lại nợ xấu, hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế các chính sách quản lý, quy định nội bộ quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý tài sản phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý tài sản và gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để thanh tra, kiểm tra, giám sát.

Chương II

MUA, BÁN NỢ XẤU GIỮA CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN VÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 5. Thẩm quyền mua, bán nợ xấu

Thẩm quyền quyết định việc mua, bán nợ; thẩm quyền ký kết, thực hiện hợp đồng mua, bán nợ của Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng.

Điều 6. Đồng tiền giao dịch

1. Đồng tiền được sử dụng trong mua, bán nợ giữa Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng là đồng Việt Nam (sau đây viết tắt là VND).

2. Trường hợp Công ty Quản lý tài sản sử dụng trái phiếu đặc biệt mua khoản nợ xấu bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tỷ giá VND với ngoại tệ áp dụng để quy đổi sang VND như sau:

a) Đối với khoản nợ xấu bằng đô la Mỹ (sau đây viết tắt là USD) là tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố áp dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng mua, bán nợ;

b) Đối với khoản nợ xấu bằng ngoại tệ không phải USD là tỷ giá tính thuế xuất nhập khẩu áp dụng cho ngoại tệ đó do Ngân hàng Nhà nước công bố áp dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng mua, bán nợ.

3. Trường hợp Công ty Quản lý tài sản sử dụng trái phiếu đặc biệt mua khoản nợ xấu bằng vàng của tổ chức tín dụng thì áp dụng giá quy đổi là giá vàng mua vào của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vàng bạc đá quý Sài Gòn tại thời điểm ký kết hợp đồng mua, bán nợ.

Điều 7. Chuyển giao các quyền và lợi ích liên quan đến khoản nợ xấu

1. Trong hoạt động mua, bán nợ giữa Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng, toàn bộ các quyền và lợi ích gắn liền với khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm và biện pháp bảo đảm khác cho khoản nợ xấu được bên bán nợ giữ nguyên hiện trạng và chuyển giao cho bên mua nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

2. Trường hợp Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng có sự thỏa thuận về việc điều chỉnh điều kiện bảo đảm cho khoản nợ xấu thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của khách hàng vay và bên bảo đảm.

Điều 8. Nguyên tắc mua, bán nợ xấu

1. Công khai, minh bạch.

2. Tuân thủ đúng quy định của pháp luật và hợp đồng mua, bán nợ.

3. Hạn chế rủi ro và chi phí trong mua, bán nợ xấu.

4. Việc mua, bán nợ xấu được thực hiện đối với từng khoản nợ xấu hoặc theo từng khách hàng vay trong trường hợp khách hàng vay có nhiều khoản nợ xấu tại một tổ chức tín dụng hoặc theo từng nhóm khách hàng vay trong trường hợp một tài sản bảo đảm cho các khoản nợ xấu của nhiều khách hàng vay tại một tổ chức tín dụng hoặc theo hình thức khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 9. Cấp tín dụng đối với khách hàng vay có nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản

Khách hàng vay có khoản nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản và có phương án sản xuất, kinh doanh, dự án đầu tư có hiệu quả được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xem xét, cấp tín dụng theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.

Mục 2

PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN

Điều 10. Chủ thể, mục đích và nguyên tắc phát hành trái phiếu đặc biệt

1. Chủ thể phát hành trái phiếu đặc biệt là Công ty Quản lý tài sản. Công ty Quản lý tài sản ủy quyền cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước tổ chức phát hành trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Thông tư này.

2. Công ty Quản lý tài sản phát hành trái phiếu đặc biệt để mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

3. Việc phát hành trái phiếu được thực hiện riêng lẻ, căn cứ nhu cầu thực tế và Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

4. Một trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với một khoản nợ xấu được mua, bán. Trường hợp khoản nợ xấu được mua, bán là khoản cấp tín dụng hợp vốn, Công ty Quản lý tài sản phát hành trái phiếu đặc biệt tương ứng cho từng tổ chức tín dụng tham gia cấp tín dụng hợp vốn.

Điều 11. Điều kiện và điều khoản của trái phiếu đặc biệt

1. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt

a) Mệnh giá trái phiếu đặc biệt có giá trị bằng giá mua của khoản nợ xấu theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP và theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư này.

b) Trường hợp khoản nợ xấu được mua, bán là khoản cấp tín dụng hợp vốn, mệnh giá trái phiếu đặc biệt phát hành cho từng tổ chức tín dụng tham gia cấp tín dụng hợp vốn tương ứng với giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó đang được theo dõi tại tổ chức tín dụng tham gia cấp tín dụng hợp vốn.

2. Trái phiếu đặc biệt được phát hành bằng VND.

3. Các hình thức trái phiếu đặc biệt

a) Trái phiếu đặc biệt được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử có định danh;

b) Trái phiếu đặc biệt được phát hành dưới hình thức chứng chỉ ghi danh.

4. Công ty Quản lý tài sản quyết định hình thức trái phiếu đặc biệt.

5. Trái phiếu đặc biệt phải lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về lưu ký giấy tờ có giá và được sử dụng trong nghiệp vụ tái cấp vốn với Ngân hàng Nhà nước.

6. Tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu đặc biệt được miễn phí lưu ký khi lưu ký trái phiếu đặc biệt tại Ngân hàng Nhà nước.

Điều 12. Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt

1. Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt là một tập hợp các phân tích, đánh giá, đề xuất về việc phát hành trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản.

2. Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt bao gồm các nội dung sau đây:

a) Dự kiến khối lượng, giá trị, đối tượng nợ xấu cần mua và tổ chức tín dụng bán nợ;

b) Dự kiến nhu cầu, lộ trình phát hành trái phiếu đặc biệt;

c) Đề xuất về cơ cấu thời hạn của trái phiếu đặc biệt;

d) Đánh giá năng lực của Công ty Quản lý tài sản về việc mua, quản lý và xử lý nợ xấu;

đ) Nội dung khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 13. Thủ tục đề nghị chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt

1. Công ty Quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng). Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt do người đại diện hợp pháp của Công ty Quản lý tài sản ký;

b) Nghị quyết của Hội đồng thành viên của Công ty Quản lý tài sản thông qua Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt kèm theo Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

2. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, Công ty Quản lý tài sản lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt của năm sau trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Thời điểm lập hồ sơ đề nghị chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt trong năm 2013 của Công ty Quản lý tài sản do Hội đồng thành viên của Công ty Quản lý tài sản quyết định.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước xem xét, có văn bản gửi Công ty Quản lý tài sản về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt. Trong trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi Công ty Quản lý tài sản phải nêu rõ lý do.

5. Căn cứ Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, năng lực của Công ty Quản lý tài sản và yêu cầu xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, Công ty Quản lý tài sản quyết định phát hành trái phiếu đặc biệt để mua nợ xấu của tổ chức tín dụng.

6. Căn cứ mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ, yêu cầu thực hiện cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, mục tiêu xử lý nợ xấu trong từng thời kỳ, Ngân hàng Nhà nước xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt đã được chấp thuận khi cần thiết.

Điều 14. Các yếu tố của trái phiếu đặc biệt

1. Trái phiếu đặc biệt có các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Tên, địa chỉ, số Quyết định thành lập, số đăng ký kinh doanh của Công ty Quản lý tài sản;

b) Mệnh giá;

c) Thời hạn;

d) Ngày phát hành;

đ) Thông tin về hợp đồng mua, bán nợ, các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt;

e) Thông tin về tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu đặc biệt: Tên tổ chức tín dụng, số giấy phép thành lập hoặc giấy phép đăng ký kinh doanh, địa chỉ của tổ chức tín dụng.

g) Trường hợp trái phiếu đặc biệt được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, phải có ký hiệu, số sê-ri phát hành, chữ ký của người đại diện hợp pháp của Công ty Quản lý tài sản và các chữ ký khác do Công ty Quản lý tài sản quy định và được đóng dấu của Công ty Quản lý tài sản.

2. Ngoài các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý tài sản được quy định thêm các nội dung khác trên trái phiếu đặc biệt không trái với quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm quản lý, sử dụng trái phiếu đặc biệt

1. Trách nhiệm của Công ty Quản lý tài sản

a) Tổ chức hệ thống quản lý, theo dõi trái phiếu đặc biệt đã phát hành;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến trái phiếu đặc biệt;

c) Tiếp nhận và thanh toán trái phiếu đặc biệt theo quy định của pháp luật;

d) Báo cáo Ngân hàng Nhà nước về việc phát hành, thanh toán trái phiếu đặc biệt.

2. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu đặc biệt

- a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến trái phiếu đặc biệt;
- b) Chuyển giao, thanh toán trái phiếu đặc biệt với Công ty Quản lý tài sản theo quy định của pháp luật;
- c) Xác định hệ số rủi ro của trái phiếu đặc biệt là 20% khi tính tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của tổ chức tín dụng;
- d) Chỉ được sử dụng trái phiếu đặc biệt để vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước, mua lại khoản nợ xấu đã bán cho Công ty Quản lý tài sản theo quy định tại Thông tư này.

Mục 3

CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN MUA NỢ XẤU BẰNG TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT

Điều 16. Điều kiện các khoản nợ xấu được Công ty Quản lý tài sản mua bằng trái phiếu đặc biệt

1. Khoản nợ xấu được Công ty Quản lý tài sản mua bằng trái phiếu đặc biệt khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Phạm vi các khoản nợ xấu được mua:

(i) Các khoản nợ xấu trong các hoạt động cấp tín dụng, bao gồm các khoản nợ xấu cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán và các khoản nợ xấu khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Khoản mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường của các công ty đại chúng chưa niêm yết (sau đây gọi là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết) do tổ chức tín dụng bán nợ mua đã quá hạn thanh toán một phần hoặc toàn bộ nợ gốc, lãi từ 90 ngày trở lên; hoặc chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 90 ngày nhưng doanh nghiệp phát hành trái phiếu có nợ xấu tại tổ chức tín dụng đó;

(iii) Khoản ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, ủy thác cấp tín dụng mà tổ chức tín dụng bán nợ chịu rủi ro đã quá hạn thanh toán một phần hoặc toàn bộ nợ gốc, lãi từ 90 ngày trở lên; hoặc chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 90 ngày nhưng doanh nghiệp phát hành trái phiếu, bên nhận ủy thác, đối tượng thụ hưởng của ủy thác có nợ xấu tại tổ chức tín dụng đó.

b) Khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm;

c) Khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu phải hợp pháp và có hồ sơ, giấy tờ hợp lệ, cụ thể:

(i) Hợp đồng tín dụng, hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp, hợp đồng bảo đảm phải thể hiện rõ các quyền chủ nợ của tổ chức tín

dụng, trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ đối với tổ chức tín dụng;

(ii) Khoản nợ xấu chưa dùng để bảo đảm nghĩa vụ của tổ chức tín dụng; tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu không có tranh chấp tại thời điểm mua, bán nợ.

d) Khách hàng vay còn tồn tại;

đ) Giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu hoặc các khoản nợ xấu của một khách hàng vay hoặc các khoản nợ xấu của một nhóm khách hàng vay theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư này vào thời điểm bán nợ không thấp hơn 3 tỷ đồng đối với nhóm khách hàng vay và khách hàng vay là tổ chức; không thấp hơn 1 tỷ đồng đối với khách hàng vay là cá nhân hoặc mức khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

2. Căn cứ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, năng lực của Công ty Quản lý tài sản, tình hình thị trường, Công ty Quản lý tài sản quyết định đối tượng và các khoản nợ xấu cụ thể Công ty Quản lý tài sản mua trong từng thời kỳ.

3. Ngân hàng Nhà nước xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc Công ty Quản lý tài sản mua các khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này theo đề nghị của Công ty Quản lý tài sản nhằm bảo đảm an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng và xử lý nhanh nợ xấu.

Điều 17. Hồ sơ đề nghị mua nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt

1. Tổ chức tín dụng rà soát các khoản nợ xấu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này và lập hồ sơ đề nghị mua nợ gửi Công ty Quản lý tài sản. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy đề nghị mua nợ theo mẫu của Công ty Quản lý tài sản;

b) Danh sách, thông tin về các khoản nợ xấu theo yêu cầu của Công ty Quản lý tài sản; đánh giá thực trạng từng khoản nợ xấu, khách hàng vay mà tổ chức tín dụng đề nghị bán cho Công ty Quản lý tài sản (thời gian đã quá hạn, thực trạng tài chính và hoạt động của khách hàng vay, bên bảo đảm, tài sản bảo đảm, khả năng thu hồi vốn); đề xuất thời hạn của trái phiếu đặc biệt tương ứng với từng khoản nợ xấu;

c) Văn bản cam kết về khoản nợ xấu chưa dùng để bảo đảm nghĩa vụ của tổ chức tín dụng bán nợ, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu không có tranh chấp tại thời điểm mua, bán nợ;

d) Bản sao hợp đồng tín dụng, hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp, hợp đồng bảo đảm tài sản do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng bán nợ xác nhận;

đ) Bản sao hồ sơ, giấy tờ liên quan đến khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm và khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng bán nợ xác nhận theo yêu cầu của Công ty Quản lý tài sản.

2. Các hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng bán nợ. Các hồ sơ quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều này phải được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của các bên và được công chứng, chứng thực, đăng ký theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Trường hợp Công ty Quản lý tài sản không ủy quyền cho tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện một số hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP, tổ chức tín dụng bán nợ bàn giao bản chính các hồ sơ quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều này cho Công ty Quản lý tài sản.

4. Tổ chức tín dụng bán nợ chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, tài liệu, văn bản liên quan đến tài sản bảo đảm, khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ và khoản nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản.

Điều 18. Trình tự, thủ tục mua nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị mua nợ của tổ chức tín dụng, Công ty Quản lý tài sản phải tiến hành kiểm tra hồ sơ và yêu cầu tổ chức tín dụng bán nợ bổ sung hồ sơ khi cần thiết.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 17 Thông tư này, Công ty Quản lý tài sản xem xét, thẩm định tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và có văn bản trả lời tổ chức tín dụng về việc mua hoặc không mua các khoản nợ xấu. Trường hợp không mua nợ, văn bản trả lời phải nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo đồng ý mua nợ của Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng và Công ty Quản lý tài sản tiến hành ký kết hợp đồng mua, bán nợ.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng mua, bán nợ, tổ chức tín dụng bán nợ phải thông báo cho khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm về nội dung bán nợ để biết và thực hiện nghĩa vụ với Công ty Quản lý tài sản.

5. Sau khi ký kết hợp đồng mua, bán nợ, Công ty Quản lý tài sản tiếp tục kiểm tra, thu thập thông tin và đánh giá khách hàng vay, khoản nợ xấu, tính chính xác, trung thực của hồ sơ, tài liệu liên quan đến khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm.

Điều 19. Quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng mua, bán nợ của Công ty Quản lý tài sản

1. Công ty Quản lý tài sản có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng mua, bán nợ trong các trường hợp sau đây:

a) Có bằng chứng về việc khoản nợ xấu đã mua không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này;

b) Tổ chức tín dụng bán nợ vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 21, các điểm a, b khoản 3 và khoản 4 Điều 31 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.

2. Việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng mua, bán nợ của Công ty Quản lý tài sản thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Công ty Quản lý tài sản có văn bản gửi tổ chức tín dụng bán nợ, trong đó nêu rõ lý do đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng bán nợ phải trả nợ vay tái cấp vốn cho Ngân hàng Nhà nước và được Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) ngừng phong tỏa trái phiếu đặc biệt theo quy định. Tổ chức tín dụng bán nợ trả lại trái phiếu đặc biệt cho Công ty Quản lý tài sản và nhận lại các khoản nợ xấu.

c) Sau khi nhận lại khoản nợ xấu từ Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện hạch toán, phân loại khoản nợ xấu này vào nhóm nợ có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm nợ mà tổ chức tín dụng bán nợ đã phân loại tại thời điểm khoản nợ xấu được bán cho Công ty Quản lý tài sản.

3. Số tiền thu hồi nợ phát sinh trong khoảng thời gian từ thời điểm Công ty Quản lý tài sản mua khoản nợ xấu đến thời điểm Công ty Quản lý tài sản trả lại khoản nợ xấu cho tổ chức tín dụng bán nợ được xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Thông tư này.

Điều 20. Hợp đồng mua, bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt

1. Hợp đồng mua, bán nợ được lập thành văn bản do Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng và các bên liên quan (nếu có) ký kết. Hợp đồng mua, bán nợ tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

a) Tên, địa chỉ của bên mua nợ, bên bán nợ;

b) Tên, địa chỉ của khách hàng vay, bên bảo đảm và các bên có liên quan (nếu có) đến khoản nợ xấu được mua, bán;

c) Giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu được mua;

d) Giá mua, bán nợ và phương thức thanh toán;

đ) Các hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu do tổ chức tín dụng định giá hoặc tổ chức có chức năng định giá độc lập xác định tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đề nghị mua nợ;

e) Hiệu lực của hợp đồng mua, bán nợ;

g) Thanh toán trái phiếu đặc biệt, xử lý tiền thu hồi nợ và mua lại khoản nợ xấu đã bán cho Công ty Quản lý tài sản;

h) Công ty Quản lý tài sản thay mặt tổ chức tín dụng bán nợ sử dụng số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt mà tổ chức tín dụng bán nợ được hưởng để trả nợ vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 43 và khoản 3 Điều 44 Thông tư này và quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt.

i) Quyền và nghĩa vụ của các bên, trong đó bao gồm quyền của Công ty Quản lý tài sản thực hiện cơ cấu lại khoản nợ xấu và đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng mua, bán nợ; nghĩa vụ của tổ chức tín dụng bán nợ chấp nhận việc Công ty Quản lý tài sản thực hiện cơ cấu lại khoản nợ xấu và mua lại khoản nợ xấu khi thanh toán trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Thông tư này; nghĩa vụ của tổ chức tín dụng bán nợ thanh toán cho Công ty Quản lý tài sản số tiền quy định tại điểm a khoản 2 Điều 43 Thông tư này và các khoản tiền khác theo quy định của pháp luật.

k) Phương thức, thời điểm hoàn thành và thủ tục chuyển giao nợ, tài sản bảo đảm và hồ sơ, tài liệu liên quan đến khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm, khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ.

2. Trường hợp khoản nợ xấu được mua, bán là khoản cấp tín dụng hợp vốn, Công ty Quản lý tài sản làm việc thông qua tổ chức tín dụng đầu mối; hợp đồng mua, bán nợ phải được ký kết bởi Công ty Quản lý tài sản và tất cả các tổ chức tín dụng tham gia cấp tín dụng hợp vốn hoặc tổ chức tín dụng đầu mối được các tổ chức tín dụng tham gia cấp tín dụng hợp vốn uỷ quyền bằng văn bản ký kết hợp đồng mua, bán nợ với Công ty Quản lý tài sản.

Điều 21. Bán nợ xấu theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước

1. Tổ chức tín dụng có tỷ lệ nợ xấu từ 3% so với tổng dư nợ tín dụng trở lên phải bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản. Trường hợp tổ chức tín dụng không

bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản, Ngân hàng Nhà nước xem xét, áp dụng các biện pháp theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.

Trên cơ sở kết quả thanh tra, định giá, kiểm toán độc lập, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng phải bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản để đảm bảo tỷ lệ nợ xấu của tổ chức tín dụng ở mức an toàn và áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng gửi Công ty Quản lý tài sản hồ sơ đề nghị mua nợ theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

3. Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện trình tự, thủ tục mua, bán nợ theo quy định tại Điều 18 Thông tư này.

Điều 22. Phối hợp, trao đổi thông tin liên quan đến các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt

1. Công ty Quản lý tài sản chủ trì, phối hợp với tổ chức tín dụng bán nợ, tổ chức tín dụng được ủy quyền xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ cho việc quản lý, xử lý nợ xấu, thanh toán trái phiếu đặc biệt và mua lại khoản nợ xấu.

2. Tổ chức tín dụng được ủy quyền có trách nhiệm phối hợp xử lý và báo cáo bằng văn bản đến Công ty Quản lý tài sản các nội dung sau đây:

- a) Các biện pháp thực hiện thu hồi khoản nợ xấu;
- b) Các trường hợp khách hàng vay đề nghị chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần, đầu tư, cung cấp tài chính, thay đổi điều kiện trả nợ; cơ cấu lại khoản nợ xấu và đề nghị Công ty Quản lý tài sản thực hiện bảo lãnh;
- c) Các nội dung khác theo yêu cầu của Công ty Quản lý tài sản.

Mục 4

CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN MUA NỢ XẤU THEO GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG

Điều 23. Điều kiện các khoản nợ xấu được Công ty Quản lý tài sản mua theo giá trị thị trường

1. Khoản nợ xấu được Công ty Quản lý tài sản mua theo giá trị thị trường khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- a) Khoản nợ xấu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này;

b) Được Công ty Quản lý tài sản đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ số tiền mua nợ;

c) Tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có khả năng phát mại;

d) Khách hàng vay có triển vọng phục hồi khả năng trả nợ hoặc có phương án trả nợ khả thi.

2. Khi mua nợ xấu theo giá trị thị trường, Công ty Quản lý tài sản phải định giá hoặc thuê tổ chức có chức năng định giá độc lập xác định giá trị khoản nợ xấu.

Điều 24. Phương án mua nợ theo giá trị thị trường

1. Phương án mua nợ theo giá trị thị trường là một tập hợp các phân tích, đánh giá, đề xuất về việc mua, bán và xử lý khoản nợ xấu theo nguyên tắc thị trường.

2. Phương án mua nợ theo giá trị thị trường bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Phạm vi các khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường (được phân loại theo nhóm khách hàng vay, ngành, lĩnh vực, loại tài sản bảo đảm);

b) Tổng số dư nợ xấu dự kiến mua, nguồn vốn và điều kiện tài chính của Công ty Quản lý tài sản để mua nợ theo giá trị thị trường;

c) Phân tích, đánh giá hiệu quả, rủi ro và khả năng thu hồi vốn mua nợ theo giá trị thị trường;

d) Biện pháp bán, xử lý nợ và tài sản bảo đảm.

Điều 25. Thủ tục đề nghị chấp thuận Phương án mua nợ theo giá trị thị trường

1. Công ty Quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận Phương án mua nợ theo giá trị thị trường gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng). Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận Phương án mua nợ theo giá trị thị trường do người đại diện hợp pháp của Công ty Quản lý tài sản ký;

b) Nghị quyết của Hội đồng thành viên của Công ty Quản lý tài sản thông qua Phương án mua nợ theo giá trị thị trường kèm theo Phương án mua nợ theo giá trị thị trường theo quy định tại Điều 24 Thông tư này.

2. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, Công ty Quản lý tài sản lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận Phương án mua nợ theo giá trị thị trường của năm sau.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước xem xét, có văn bản gửi Công ty Quản lý tài sản về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận Phương án mua nợ theo giá trị thị trường của Công ty Quản lý tài sản. Trong trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi Công ty Quản lý tài sản phải nêu rõ lý do.

4. Căn cứ điều kiện cụ thể của Công ty Quản lý tài sản, tình hình thị trường và yêu cầu xử lý nợ xấu trong từng thời kỳ, Ngân hàng Nhà nước xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ Phương án mua nợ theo giá trị thị trường đã được chấp thuận khi cần thiết.

Điều 26. Thực hiện mua nợ xấu theo giá trị thị trường

1. Căn cứ Phương án mua nợ theo giá trị thị trường đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, năng lực tài chính, hiệu quả kinh tế và điều kiện thị trường, Công ty Quản lý tài sản quyết định và chịu trách nhiệm về việc mua khoản nợ xấu theo giá trị thị trường sau khi đã thực hiện các công việc sau:

a) Đánh giá khoản nợ xấu đáp ứng các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư này;

b) Xác định giá trị thị trường của khoản nợ xấu, kê cả tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đó;

c) Đánh giá hiệu quả kinh tế, rủi ro và khả năng thu hồi vốn mua khoản nợ xấu;

d) Phân tích, đánh giá thực trạng và triển vọng khoản nợ xấu, khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ và các điều kiện thoả thuận mua nợ với tổ chức tín dụng bán nợ;

đ) Dự kiến các biện pháp khả thi xử lý nợ, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.

2. Việc mua, bán nợ theo giá trị thị trường giữa Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về mua, bán nợ áp dụng đối với các tổ chức tín dụng.

Chương III

XỬ LÝ NỢ XẤU VÀ TÀI SẢN BẢO ĐẢM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN

Mục 1

CƠ CẤU LẠI NỢ VÀ HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG VAY

Điều 27. Nguyên tắc cơ cấu lại nợ đối với các khoản nợ xấu đã mua

1. Công ty Quản lý tài sản xem xét, cơ cấu lại khoản nợ xấu đã mua theo đề nghị của khách hàng vay khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư này.

2. Công ty Quản lý tài sản trao đổi với tổ chức tín dụng bán nợ trước khi quyết định cơ cấu lại khoản nợ xấu đối với các trường hợp quy định tại các khoản 4 Điều 28, khoản 2 Điều 29 và khoản 2 Điều 30 Thông tư này.

3. Việc cơ cấu lại khoản nợ xấu phải đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định 53/2013/NĐ-CP và Thông tư này; điều kiện cụ thể của khoản nợ, khách hàng vay, Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng bán nợ; tình hình thị trường tiền tệ; yêu cầu xử lý nợ xấu trong từng thời kỳ và thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp, hợp đồng mua, bán nợ.

Điều 28. Điều chỉnh lãi suất của các khoản nợ xấu đã được Công ty Quản lý tài sản mua

1. Công ty Quản lý tài sản xem xét, điều chỉnh lãi suất đang áp dụng đối với khoản nợ xấu đã mua về mức lãi suất hợp lý, phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng vay, lãi suất trên thị trường trong từng thời kỳ và các thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng, kế ước nhận nợ, hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp, hợp đồng mua, bán nợ.

2. Hàng quý, Công ty Quản lý tài sản phải công bố công khai các mức lãi suất hợp lý quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Công ty Quản lý tài sản xem xét, điều chỉnh giảm lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều này khi khoản nợ xấu và khách hàng vay phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Khách hàng vay hợp tác tốt với Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng được ủy quyền;

b) Khách hàng vay có phương án trả nợ khả thi hoặc phương án cơ cấu lại tài chính, hoạt động khả thi;

c) Khách hàng vay thực sự khó khăn tạm thời về tài chính và việc giảm lãi suất của khoản nợ xấu góp phần giúp khách hàng vay giảm bớt khó khăn tài chính, phục hồi sản xuất kinh doanh;

d) Khoản nợ xấu không vi phạm quy định tại Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng.

4. Trong trường hợp xem xét, điều chỉnh mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý tài sản trao đổi với tổ chức tín dụng bán nợ trước khi quyết định. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Công ty Quản lý tài sản có văn bản đề nghị có ý kiến về việc điều chỉnh lãi suất khoản nợ xấu, tổ chức tín dụng bán nợ phải trả lời bằng văn bản cho Công ty Quản lý tài sản.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày điều chỉnh lãi suất của khoản nợ xấu, Công ty Quản lý tài sản thông báo cho khách hàng vay để biết và thực hiện, đồng thời thông báo cho tổ chức tín dụng bán nợ (đối với khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt).

Điều 29. Miễn, giảm lãi phạt, phí và lãi vay đã quá hạn thanh toán

1. Công ty Quản lý tài sản xem xét giảm một phần hoặc miễn toàn bộ lãi phạt, phí, lãi vay đã quá hạn thanh toán mà khách hàng vay chưa trả của khoản nợ xấu đã mua khi khoản nợ xấu và khách hàng vay đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện được quy định tại khoản 3 Điều 28 Thông tư này;

b) Khách hàng vay trả nợ ngay hoặc cam kết trả nợ trong vòng 60 ngày tối thiểu 5% số dư nợ gốc khách hàng vay chưa trả tại thời điểm xem xét miễn, giảm lãi phạt, phí, lãi vay đã quá hạn thanh toán.

2. Trong trường hợp xem xét miễn, giảm lãi phạt, phí và lãi vay đã quá hạn thanh toán phát sinh sau thời điểm ký kết hợp đồng mua, bán các khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt, Công ty Quản lý tài sản trao đổi với tổ chức tín dụng bán nợ trước khi quyết định. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Công ty Quản lý tài sản có văn bản đề nghị có ý kiến, tổ chức tín dụng bán nợ phải trả lời bằng văn bản về những vấn đề Công ty Quản lý tài sản đề nghị có ý kiến.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày miễn, giảm lãi phạt, phí, lãi vay đã quá hạn thanh toán, Công ty Quản lý tài sản thông báo cho khách hàng vay biết và thực hiện, đồng thời thông báo cho tổ chức tín dụng bán nợ (đối với khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt).

Điều 30. Biện pháp cơ cấu lại thời hạn trả nợ

1. Công ty Quản lý tài sản xem xét, cơ cấu lại thời hạn trả nợ dưới các hình thức điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ đối với khoản nợ xấu đã mua khi khách hàng vay đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Khách hàng vay có phương án trả nợ khả thi;

b) Đối với trường hợp điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi vay, khách hàng vay không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi vay trong phạm vi thời hạn trả nợ đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp và Công ty Quản lý tài sản đánh giá là có khả năng trả nợ trong các kỳ hạn tiếp theo sau khi được cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ;

c) Đối với trường hợp gia hạn nợ, khách hàng vay không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi vay đúng thời hạn trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp và được Công ty Quản lý tài sản đánh giá là có khả năng trả hết nợ trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn trả nợ đã thỏa thuận;

d) Đối với khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt, thời gian gia hạn nợ đối với khoản nợ xấu không được vượt quá thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt tương ứng với khoản nợ xấu đó.

2. Trong trường hợp xem xét, cơ cấu lại thời hạn trả nợ của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt, Công ty Quản lý tài sản trao đổi với tổ chức tín dụng bán nợ trước khi quyết định. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Công ty Quản lý tài sản có văn bản đề nghị, tổ chức tín dụng bán nợ phải trả lời bằng văn bản về những vấn đề Công ty Quản lý tài sản đề nghị có ý kiến.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Công ty Quản lý tài sản thông báo cho khách hàng vay để biết và thực hiện, đồng thời thông báo cho tổ chức tín dụng bán nợ (đối với khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt).

Điều 31. Biện pháp hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay

1. Công ty Quản lý tài sản xem xét áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay sau đây:

a) Bảo lãnh cho khách hàng vay vốn của tổ chức tín dụng;

b) Đầu tư, cung cấp tài chính dưới các hình thức cho vay, mua trái phiếu doanh nghiệp;

c) Các hình thức đầu tư, cung cấp tài chính khác sau khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Công ty Quản lý tài sản sử dụng tài sản (không bao gồm các khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt) và nguồn vốn hợp pháp để thực hiện các biện pháp hỗ trợ tài chính theo quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều này.

2. Công ty Quản lý tài sản xem xét đầu tư, cung cấp tài chính khi khách hàng vay đáp ứng được các điều kiện sau đây:

a) Khách hàng vay có khả năng phục hồi tốt hoặc có phương án sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư có hiệu quả;

b) Có các biện pháp bảo đảm thu hồi vốn phù hợp cho các khoản đầu tư, cung cấp tài chính;

c) Phương án đầu tư, cung cấp tài chính bảo đảm sự an toàn và có tính khả thi, trong đó phân tích, đánh giá mức độ rủi ro, hiệu quả kinh tế của khoản đầu

tư, cung cấp tài chính, bảo lãnh; nguồn vốn để triển khai; khả năng thu hồi vốn; biện pháp thu hồi vốn; biện pháp bảo đảm an toàn vốn và xử lý rủi ro phát sinh;

d) Điều kiện khác theo quy định của Công ty Quản lý tài sản.

3. Khách hàng vay được Công ty Quản lý tài sản xem xét, bảo lãnh vay vốn của tổ chức tín dụng khi đáp ứng được các điều kiện sau đây:

a) Khách hàng vay có khả năng phục hồi tốt hoặc có phương án sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư mới có hiệu quả;

b) Khách hàng vay có tài sản bảo đảm hợp pháp cho việc bảo lãnh vay vốn;

c) Phương án bảo lãnh cho khách hàng vay vay vốn của tổ chức tín dụng bảo đảm sự an toàn và có tính khả thi, trong đó phân tích, đánh giá mức độ rủi ro, hiệu quả kinh tế của khoản đầu tư, cung cấp tài chính, bảo lãnh; nguồn vốn để triển khai; khả năng thu hồi vốn; biện pháp thu hồi vốn; biện pháp bảo đảm an toàn vốn và xử lý rủi ro phát sinh;

d) Điều kiện khác theo quy định của Công ty Quản lý tài sản.

4. Căn cứ các điều kiện quy định tại các khoản 2, 3 Điều này và nguồn vốn, năng lực tài chính của Công ty Quản lý tài sản, Công ty Quản lý tài sản trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận trước khi thực hiện đầu tư, cung cấp tài chính, bảo lãnh cho khách hàng vay.

Điều 32. Thủ tục đề nghị chấp thuận Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay

1. Công ty Quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận Phương án đầu tư, cung cấp tài chính, Phương án bảo lãnh cho khách hàng vay vay vốn của tổ chức tín dụng (sau đây gọi chung là Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay) gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng). Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay và góp vốn, mua cổ phần của khách hàng vay do người đại diện hợp pháp của Công ty Quản lý tài sản ký;

b) Nghị quyết của Hội đồng thành viên của Công ty Quản lý tài sản thông qua Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay kèm theo Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay theo quy định tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 31 Thông tư này.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấp thuận Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước xem xét, có văn bản gửi Công ty Quản

lý tài sản về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận. Trong trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi Công ty Quản lý tài sản phải nêu rõ lý do.

Điều 33. Một số giới hạn an toàn, kiểm soát rủi ro trong hoạt động của Công ty Quản lý tài sản

1. Tổng mức đầu tư, cung cấp tài chính và bảo lãnh của Công ty Quản lý tài sản đối với một khách hàng không vượt quá 50% vốn điều lệ của Công ty Quản lý tài sản.

2. Tổng giá trị góp vốn điều lệ, vốn cổ phần tại điểm b khoản 1 Điều 36 Thông tư này không vượt quá vốn điều lệ của Công ty Quản lý tài sản.

3. Khách hàng vay đang trong quá trình giải thế, phá sản, thu hồi giấy phép hoạt động không được Công ty Quản lý tài sản xem xét, điều chỉnh lãi suất cho vay, miễn, giảm lãi phạt, phí và lãi vay quá hạn thanh toán, cơ cấu lại thời hạn trả, hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay.

Mục 2

XỬ LÝ NỢ XẤU VÀ TÀI SẢN BẢO ĐẢM

Điều 34. Công ty Quản lý tài sản bán nợ xấu đã mua

1. Công ty Quản lý tài sản thực hiện bán khoản nợ xấu đã mua từ tổ chức tín dụng cho các tổ chức, cá nhân theo giá trị thị trường để thu hồi vốn.

2. Công ty Quản lý tài sản bán nợ xấu theo các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm sự công khai, minh bạch;

b) Bảo đảm sự thỏa thuận và tự nguyện;

c) Bán khoản nợ xấu theo hình thức đấu giá hoặc chào giá cạnh tranh với sự tham gia của ít nhất 03 người mua không phải là người mua có liên quan với nhau theo quy định của pháp luật. Trường hợp không thể bán khoản nợ xấu theo hình thức đấu giá, chào giá cạnh tranh thì Công ty Quản lý tài sản bán khoản nợ xấu trên cơ sở thỏa thuận trực tiếp với bên mua nợ;

d) Giá bán nợ là mức giá hợp lý nhất trên cơ sở so sánh với các mức giá chào mua của khoản nợ xấu đó hoặc tham khảo mức giá của khoản nợ xấu có chất lượng tương đương hoặc giá trị khoản nợ xấu do Công ty Quản lý tài sản hay tổ chức có chức năng định giá độc lập xác định để giảm tổn thất trong xử lý nợ xấu.

3. Việc bán nợ phải được lập thành hợp đồng.

4. Công ty Quản lý tài sản có thể ủy quyền cho tổ chức tín dụng bán khoản nợ xấu theo các yêu cầu và điều kiện do Công ty Quản lý tài sản xác định.

Điều 35. Bán nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt

1. Công ty Quản lý tài sản thống nhất với tổ chức tín dụng bán nợ về điều kiện bán khoản nợ xấu trong đó bao gồm giá khởi điểm (trong trường hợp bán nợ theo phương thức đấu giá) và giá bán (trong trường hợp bán nợ theo thỏa thuận trực tiếp với bên mua nợ).

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng bán nợ, Công ty Quản lý tài sản phải gửi 01 bản hợp đồng bán nợ cho tổ chức tín dụng bán nợ và thông báo cho tổ chức tín dụng bán nợ về số tiền tổ chức tín dụng bán nợ được hưởng.

3. Trong trường hợp trái phiếu đặc biệt chưa đến hạn thanh toán, Công ty Quản lý tài sản được bán lại khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt cho tổ chức tín dụng đã bán khoản nợ xấu đó cho Công ty Quản lý tài sản theo nguyên tắc thỏa thuận về điều kiện và giá mua, bán nợ.

Điều 36. Góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp

1. Công ty Quản lý tài sản được sử dụng các khoản nợ xấu đã mua và tài sản, nguồn vốn hợp pháp để thực hiện:

a) Chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Sử dụng tài sản (không bao gồm khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt), nguồn vốn hợp pháp để góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp theo quy định của pháp luật sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

2. Công ty Quản lý tài sản góp vốn điều lệ, vốn cổ phần để tham gia cơ cấu lại khách hàng vay.

3. Công ty Quản lý tài sản phải xây dựng Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay, trong đó phân tích, đánh giá hiệu quả góp vốn điều lệ, vốn cổ phần, tình hình tài chính và hoạt động của khách hàng vay, nguồn vốn để góp vốn, khả năng thu hồi vốn góp và đề xuất các biện pháp thu hồi vốn góp và tham gia cơ cấu lại khách hàng vay.

4. Công ty Quản lý tài sản góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay khi đáp ứng được các điều kiện sau đây:

a) Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay có tính khả thi; trường hợp góp vốn điều lệ, vốn cổ phần theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;

b) Công ty Quản lý tài sản có quyền tham gia vào quá trình tái cơ cấu khách hàng vay;

c) Việc góp vốn điều lệ, vốn cổ phần không vi phạm giới hạn góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của Công ty Quản lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Thông tư này;

d) Khách hàng vay có triển vọng phục hồi về tài chính và hoạt động sau khi được Công ty Quản lý tài sản tham gia góp vốn điều lệ, vốn cổ phần;

đ) Khách hàng vay không nằm trong quá trình phá sản, giải thể hoặc thu hồi giấy phép hoạt động.

5. Trường hợp chuyển khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay, Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện:

a) Trước khi thực hiện, Công ty Quản lý tài sản thống nhất với tổ chức tín dụng bán nợ về việc chuyển khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chuyển toàn bộ khoản nợ xấu thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay, Công ty Quản lý tài sản bán lại khoản góp vốn điều lệ, vốn cổ phần cho tổ chức tín dụng bán nợ theo giá trị khoản góp vốn điều lệ, vốn cổ phần và thanh toán trái phiếu đặc biệt;

6. Số tiền thu hồi nợ phát sinh trong khoảng thời gian tính từ khi Công ty Quản lý tài sản mua khoản nợ xấu đến khi chuyển khoản nợ xấu đó thành vốn điều lệ, vốn cổ phần được xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Thông tư này.

Điều 37. Thủ tục đề nghị chấp thuận Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp

1. Công ty Quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay quy định tại điểm a khoản 4 Điều 36 gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng). Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay do người đại diện hợp pháp của Công ty Quản lý tài sản ký;

b) Nghị quyết của Hội đồng thành viên của Công ty Quản lý tài sản thông qua Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay kèm theo Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Thông tư này.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước xem xét, có văn bản gửi Công ty Quản lý tài sản về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay. Trong trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi Công ty Quản lý tài sản phải nêu rõ lý do.

Điều 38. Xử lý và bán tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu đã mua

1. Công ty Quản lý tài sản phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan hoàn tất các thủ tục, hồ sơ pháp lý về tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đã mua.

2. Công ty Quản lý tài sản xử lý tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu đã mua theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

3. Đối với tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt, Công ty Quản lý tài sản thống nhất với tổ chức tín dụng bán nợ về:

a) Giá bán tài sản bảo đảm trong trường hợp bán theo phương thức thỏa thuận với người mua hoặc giá khởi điểm của tài sản bảo đảm trong trường hợp bán theo phương thức đấu giá;

b) Giá trị tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty Quản lý tài sản nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm.

4. Trường hợp Công ty Quản lý tài sản nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm, Công ty Quản lý tài sản phải tự định giá hoặc thuê tổ chức có chức năng định giá độc lập để xác định giá trị thị trường của tài sản bảo đảm làm cơ sở bù trừ nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ.

Mục 3

CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN ỦY QUYỀN VÀ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Điều 39. Nội dung, phương thức ủy quyền

1. Công ty Quản lý tài sản xem xét, ủy quyền tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện một hoặc một số hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.

2. Việc ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành hợp đồng ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền bao gồm những nội dung tối thiểu sau đây:

a) Tên, địa chỉ của bên ủy quyền, bên được ủy quyền;

b) Phạm vi và nội dung ủy quyền;

- c) Thời hạn ủy quyền;
- d) Quyền, nghĩa vụ của các bên.

3. Công ty Quản lý tài sản lựa chọn phương thức ủy quyền một phần hoặc toàn bộ hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này cho tổ chức tín dụng bán nợ phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định khác có liên quan của pháp luật.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng ủy quyền, tổ chức tín dụng được ủy quyền thông báo cho khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm và các bên liên quan về nội dung, hoạt động được Công ty Quản lý tài sản ủy quyền cho tổ chức tín dụng bán nợ để biết và thực hiện.

Điều 40. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động được ủy quyền

1. Công ty Quản lý tài sản xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống công nghệ thông tin và nội dung, yêu cầu báo cáo, trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng được ủy quyền để giám sát tổ chức tín dụng được ủy quyền thực hiện các hoạt động được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Thông tư này.

2. Công ty Quản lý tài sản thường xuyên kiểm tra, giám sát tổ chức tín dụng được ủy quyền trong việc thực hiện các hoạt động được Công ty Quản lý tài sản ủy quyền tại hợp đồng ủy quyền.

Điều 41. Quyền và trách nhiệm của Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng được ủy quyền

1. Quyền và trách nhiệm của Công ty Quản lý tài sản:

a) Yêu cầu tổ chức tín dụng được ủy quyền báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động được ủy quyền;

b) Yêu cầu tổ chức tín dụng được ủy quyền thực hiện các hoạt động được ủy quyền theo thỏa thuận trong hợp đồng ủy quyền và quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu tổ chức tín dụng được ủy quyền khắc phục, sửa chữa, bồi thường tổn thất do vi phạm hợp đồng ủy quyền, quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện hoạt động ủy quyền; chấm dứt hợp đồng ủy quyền, khởi kiện ra tòa án đối với tổ chức tín dụng được ủy quyền vi phạm hợp đồng ủy quyền theo quy định của pháp luật;

d) Báo cáo kịp thời Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức tín dụng được ủy quyền;

đ) Đối với các khoản nợ xấu được mua theo giá trị thị trường, Công ty Quản lý tài sản phải thỏa thuận với tổ chức tín dụng được ủy quyền về chi phí

thực hiện uỷ quyền và nội dung liên quan đến chi phí thực hiện uỷ quyền tại hợp đồng uỷ quyền;

e) Các quyền và trách nhiệm khác theo hợp đồng uỷ quyền và quy định của pháp luật.

2. Quyền và trách nhiệm của tổ chức tín dụng được uỷ quyền:

a) Báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu trung thực, đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của Công ty Quản lý tài sản; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu, báo cáo cung cấp cho Công ty Quản lý tài sản;

b) Hợp tác và chịu sự kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý tài sản trong quá trình thực hiện hoạt động được uỷ quyền;

c) Thực hiện các kiến nghị, yêu cầu của Công ty Quản lý tài sản nhằm bảo đảm an toàn tài sản, khắc phục những sai phạm và bồi thường tổn thất cho Công ty Quản lý tài sản do vi phạm hợp đồng uỷ quyền, quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện hoạt động uỷ quyền;

d) Thông báo ngay cho Công ty Quản lý tài sản về số tiền thu hồi nợ phát sinh;

đ) Đối với các khoản nợ xấu được mua theo giá trị thị trường, tổ chức tín dụng được uỷ quyền được Công ty Quản lý tài sản thanh toán chi phí thực hiện các hoạt động uỷ quyền theo quy định tại hợp đồng uỷ quyền;

e) Các quyền và trách nhiệm theo quy định tại hợp đồng uỷ quyền, khoản 4 Điều 31 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Chương IV

XỬ LÝ SỐ TIỀN THU HỒI NỢ, THANH TOÁN TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT VÀ MUA LẠI KHOẢN NỢ XẤU

Điều 42. Thứ tự ưu tiên thanh toán khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt

Toàn bộ các khoản thu được bằng tiền, tài sản từ việc thu hồi, xử lý, bán nợ, tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến bán nợ, tài sản bảo đảm; bảo quản, sửa chữa, nâng cấp tài sản bảo đảm được Công ty Quản lý tài sản thanh toán theo thứ tự ưu tiên như sau:

1. Dư nợ gốc;
2. Lãi trong hạn thanh toán;
3. Lãi đã quá hạn thanh toán;
4. Lãi phạt (nếu có);

5. Trả lại khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ số tiền thừa (nếu có).

Điều 43. Xử lý số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt

1. Số tiền thu hồi nợ bằng tiền của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt mà tổ chức tín dụng được hưởng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này được xử lý như sau:

a) Nếu tổ chức tín dụng bán nợ không vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt, Công ty Quản lý tài sản gửi tại tổ chức tín dụng bán nợ dưới hình thức tiền gửi và không được rút trước thời điểm thanh toán trái phiếu đặc biệt trừ trường hợp quy định tại Điều 19 Thông tư này;

b) Nếu tổ chức tín dụng bán nợ vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt, trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu quý tiếp theo Công ty Quản lý tài sản sử dụng số tiền thu hồi nợ bằng tiền mà tổ chức tín dụng được hưởng trong quý trả nợ vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt đó và khấu trừ số tiền này vào tổng số tiền thu nợ mà tổ chức tín dụng được hưởng khi thanh toán trái phiếu đặc biệt đó.

2. Số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt được xử lý như sau:

a) Công ty Quản lý tài sản được hưởng một tỷ lệ trên số tiền thu hồi nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước sau khi thống nhất với Bộ Tài chính;

b) Tổ chức tín dụng bán nợ được hưởng số tiền thu hồi nợ còn lại sau khi trừ đi số tiền mà Công ty Quản lý tài sản được hưởng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 44. Thanh toán trái phiếu đặc biệt

1. Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán trong các trường hợp sau đây:

a) Số tiền dự phòng rủi ro đã trích lập cho trái phiếu đặc biệt không thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu có liên quan đang theo dõi trên sổ sách của Công ty Quản lý tài sản, trong đó bao gồm cả các trường hợp sau đây:

(i) Công ty Quản lý tài sản bán khoản nợ xấu cho tổ chức, cá nhân, kể cả trường hợp bán lại khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt cho tổ chức tín dụng bán nợ theo giá trị thị trường hoặc giá thoả thuận;

(ii) Công ty Quản lý tài sản chuyển toàn bộ khoản nợ xấu đã mua thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp.

b) Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng bán nợ phải hoàn trả đầy đủ số tiền vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt tương ứng (nếu có), được Ngân hàng Nhà nước (Sở giao dịch) ngừng phong tỏa trái phiếu đặc biệt theo quy định và phối hợp với Công ty Quản lý tài sản thực hiện thanh toán trái phiếu đặc biệt như sau:

a) Trường hợp chưa thu hồi được đầy đủ giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu, tổ chức tín dụng bán nợ mua lại khoản nợ xấu từ Công ty Quản lý tài sản theo giá trị ghi sổ số dư nợ gốc đang theo dõi trên sổ sách của Công ty Quản lý tài sản, khoản vốn góp, vốn cổ phần tại khách hàng vay đối với trường hợp chuyển một phần khoản nợ xấu thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay (nếu có); trả lại trái phiếu đặc biệt liên quan đến khoản nợ xấu đó cho Công ty Quản lý tài sản và được Công ty Quản lý tài sản thanh toán số tiền được hưởng trên số tiền thu hồi nợ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 43 Thông tư này (nếu có);

b) Trường hợp đã thu hồi được đầy đủ giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu (bao gồm cả trường hợp toàn bộ khoản nợ xấu đã được bán cho tổ chức, cá nhân) thì tổ chức tín dụng bán nợ mua lại khoản vốn góp, vốn cổ phần tại khách hàng vay đối với trường hợp chuyển một phần khoản nợ xấu thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay (nếu có); trả lại trái phiếu đặc biệt cho Công ty Quản lý tài sản và được Công ty Quản lý tài sản thanh toán số tiền thu hồi nợ được hưởng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 43 Thông tư này;

c) Trường hợp toàn bộ khoản nợ xấu được chuyển thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp thì tổ chức tín dụng bán nợ trả lại trái phiếu đặc biệt cho Công ty Quản lý tài sản và mua lại khoản vốn góp, vốn cổ phần tại khách hàng vay, đồng thời thanh toán cho Công ty Quản lý tài sản số tiền thu hồi nợ được hưởng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 43 Thông tư này.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tổ chức tín dụng bán nợ không hoàn trả đầy đủ số tiền vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt đó cho Ngân hàng Nhà nước, Công ty Quản lý tài sản không thanh toán số tiền thu hồi nợ (nếu có), khoản nợ xấu (nếu còn) cho tổ chức tín dụng bán nợ; Công ty Quản lý tài sản sử dụng số tiền thu hồi nợ bằng tiền từ khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt đó mà tổ chức tín dụng bán nợ được hưởng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 43 Thông tư này để trả nợ vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng bán nợ tại Ngân hàng Nhà nước và nhận lại trái phiếu đặc biệt khi

đư nợ vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt đó đã được trả đầy đủ cho Ngân hàng Nhà nước.

Điều 45. Mua lại khoản nợ xấu khi thanh toán trái phiếu đặc biệt

1. Khi mua lại khoản nợ xấu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Thông tư này, tổ chức tín dụng bán nợ có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Công ty Quản lý tài sản các khoản tiền mà Công ty Quản lý tài sản được hưởng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 43 Thông tư này và Công ty Quản lý tài sản phải cung cấp cho tổ chức tín dụng bán nợ thông tin, tài liệu về số dư nợ gốc, lãi vay, lãi phạt, phí đã đến hạn trả nhưng khách hàng vay chưa thanh toán và các thông tin, tài liệu khác liên quan đến khoản nợ, khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ.

2. Tổ chức tín dụng bán nợ mua lại khoản nợ xấu từ Công ty Quản lý tài sản không cần sự đồng ý của khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ và bên bảo đảm.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng mua, bán nợ, tổ chức tín dụng bán nợ mua lại khoản nợ xấu phải thông báo cho khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ về việc mua lại nợ từ Công ty Quản lý tài sản để khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ biết và thực hiện nghĩa vụ với tổ chức tín dụng.

Chương V

TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG DỰ PHÒNG RỦI RO

Điều 46. Trích lập dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro liên quan đến khoản nợ xấu

1. Trong thời hạn của trái phiếu đặc biệt, tổ chức tín dụng bán nợ phải trích lập dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt vào chi phí hoạt động.

2. Hằng năm, trong thời hạn 05 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, tổ chức tín dụng bán nợ phải trích lập số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

$$\text{Số tiền trích lập dự phòng rủi ro hằng năm} = \frac{\text{Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt}}{\text{Thời hạn của trái phiếu đặc biệt}}$$

Trong đó: Đơn vị thời hạn trái phiếu đặc biệt là năm.

3. Tổ chức tín dụng bán nợ không phải thực hiện trích lập dự phòng chung đối với trái phiếu đặc biệt.

4. Số tiền dự phòng rủi ro tổ chức tín dụng bán nợ đã trích lập cho trái phiếu đặc biệt được sử dụng như sau:

a) Bù đắp phần chênh lệch thiếu của số tiền thu hồi nợ so với mệnh giá trái phiếu đặc biệt trong trường hợp toàn bộ khoản nợ xấu được bán cho tổ chức, cá nhân (không bao gồm trường hợp được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Thông tư này), toàn bộ khoản nợ xấu được sử dụng góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay;

b) Xử lý rủi ro đối với khoản nợ xấu mua lại theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Thông tư này trong trường hợp giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu chưa được thu hồi đầy đủ.

5. Tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện hoàn nhập số tiền dự phòng rủi ro trích lập cho trái phiếu đặc biệt còn lại sau khi đã xử lý rủi ro theo quy định tại khoản 4 Điều này, hoặc trích lập bổ sung dự phòng rủi ro trong trường hợp số tiền dự phòng rủi ro đã trích lập cho trái phiếu đặc biệt không đủ để xử lý rủi ro theo quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Sau khi được xử lý bằng dự phòng rủi ro, khoản nợ xấu được tổ chức tín dụng bán nợ hạch toán ngoại bảng, tiếp tục theo dõi và có biện pháp thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và thỏa thuận với khách hàng vay.

7. Việc xuất toán nợ đã xử lý rủi ro theo quy định tại khoản 6 Điều này ra khỏi ngoại bảng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 47. Phân loại, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với các khoản nợ xấu được mua theo giá trị thị trường

1. Công ty Quản lý tài sản thực hiện việc phân loại, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý đối với số tiền đã thanh toán mua khoản nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Công ty Quản lý tài sản phân loại số tiền đã thanh toán để mua khoản nợ xấu vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm nợ mà khoản nợ xấu đó đã được phân loại tại tổ chức tín dụng bán nợ ở thời điểm mua khoản nợ xấu.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 48. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mua các khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt, Phương án mua nợ xấu theo giá trị thị trường, Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay và Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay theo trình tự sau:

(i) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Công ty Quản lý tài sản đề nghị chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt, Phương án mua nợ xấu theo giá trị thị trường, Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay và Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản lấy ý kiến tham gia của các đơn vị có liên quan của Ngân hàng Nhà nước.

(ii) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị được lấy ý kiến tham gia phải tham gia ý kiến bằng văn bản gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng để tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận hoặc không chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt, Phương án mua nợ xấu theo giá trị thị trường, Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay, Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định các nội dung quy định tại các khoản 4, 6 Điều 13; điểm đ khoản 1 và khoản 3 Điều 16; các khoản 3, 4 Điều 25; khoản 2 Điều 32; khoản 2 Điều 37 Thông tư này;

d) Giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm đối với các tổ chức tín dụng, Công ty Quản lý tài sản trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về mua, bán và xử lý nợ xấu;

đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và Công ty Quản lý tài sản tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xây dựng báo cáo hoạt động của Công ty Quản lý tài sản;

e) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Sở Giao dịch:

a) Hướng dẫn và tổ chức phát hành trái phiếu đặc biệt theo ủy quyền của Công ty Quản lý tài sản theo quy định tại Thông tư này;

b) Hướng dẫn và tổ chức triển khai việc lưu ký trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản;

c) Thực hiện phong tỏa trái phiếu đặc biệt có liên quan đến khoản cho vay tái cấp vốn khi tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu đặc biệt vay tái cấp vốn; ngừng phong tỏa trái phiếu đặc biệt trong trường hợp khoản vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng được hoàn trả đầy đủ.

3. Vụ Tài chính - Kế toán chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và các đơn vị liên quan xây dựng và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quy định về hạch toán kế toán nghiệp vụ mua, bán, xử lý nợ xấu và các nghiệp vụ liên quan đến mua, bán, xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản và các tổ chức tín dụng.

4. Vụ Dự báo, thống kê tiền tệ chủ trì phối hợp với Cục Công nghệ tin học ngân hàng và các đơn vị có liên quan xây dựng, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quy định về chế độ báo cáo thống kê và việc công khai, minh bạch các hoạt động của Công ty Quản lý tài sản; thực hiện thu thập, tổng hợp, thống kê số liệu về mua, bán và xử lý nợ xấu.

5. Cục Công nghệ tin học ngân hàng hỗ trợ các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Công ty Quản lý tài sản và các tổ chức tín dụng phối hợp, trao đổi, cung cấp, khai thác thông tin, thống kê số liệu về mua, bán và xử lý nợ xấu.

6. Trung tâm thông tin tín dụng cung cấp thông tin liên quan đến các khoản nợ xấu, khách hàng vay theo đề nghị của Công ty Quản lý tài sản để phục vụ cho mục đích xử lý nợ xấu.

7. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm đối với các tổ chức tín dụng, tổ chức và cá nhân trên địa bàn trong việc chấp hành quy định của pháp luật về mua, bán và xử lý nợ xấu.

8. Các đơn vị có liên quan:

a) Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này;

b) Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định các nội dung quy định tại các khoản 4, 6 Điều 13; điểm đ khoản 1 và khoản 3 Điều 16; các khoản 3, 4 Điều 25; khoản 2 Điều 32; khoản 2 Điều 37 Thông tư này;

c) Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xây dựng báo cáo hoạt động của Công ty Quản lý tài sản;

d) Có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Công ty Quản lý tài sản theo chức năng, nhiệm vụ được giao và chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 49. Trách nhiệm của Công ty Quản lý tài sản

1. Thực hiện việc mua, bán và xử lý nợ xấu một cách kịp thời và đúng quy định của pháp luật; hướng dẫn các tổ chức tín dụng lập, gửi danh sách các khoản nợ xấu đủ điều kiện bán cho Công ty Quản lý tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này.

2. Báo cáo Ngân hàng Nhà nước về việc mua, bán và xử lý, thu hồi các khoản nợ xấu đã mua; phát hành, sử dụng và thanh toán trái phiếu đặc biệt và các hoạt động khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Sử dụng số tiền thu hồi nợ bằng tiền từ khoản nợ xấu mà tổ chức tín dụng bán nợ được hưởng để trả nợ vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của tổ chức tín dụng bán nợ tại Ngân hàng Nhà nước.

4. Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định các nội dung quy định tại các khoản 4, 6 Điều 13; điểm đ khoản 1 và khoản 3 Điều 16; các khoản 3, 4 Điều 25; khoản 2 Điều 32; khoản 2 Điều 37 Thông tư này.

5. Chủ trì, phối hợp với tổ chức tín dụng và các đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp xử lý nợ, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt để hoàn trả nợ vay tái cấp vốn cho Ngân hàng Nhà nước.

6. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Thông tư này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng

1. Thực hiện đánh giá, xác định các khoản nợ xấu đủ điều kiện để chủ động bán cho Công ty Quản lý tài sản và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của mình.

2. Báo cáo Ngân hàng Nhà nước về việc mua, bán và xử lý nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.

4. Tổ chức tín dụng bán nợ và nhận trái phiếu đặc biệt có trách nhiệm:

a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP;

b) Sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản nợ xấu để xử lý chênh lệch giữa giá trị ghi sổ số dư nợ gốc và giá bán khoản nợ xấu đó khi bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản;

c) Thanh toán cho Công ty Quản lý tài sản số tiền quy định tại điểm a khoản 2 Điều 43 Thông tư này và các khoản tiền khác theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.

5. Phối hợp chặt chẽ với Công ty Quản lý tài sản trong việc mua, bán và xử lý nợ xấu; cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo đề nghị của Công ty Quản lý tài sản.

6. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Thông tư này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Trách nhiệm của khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ

1. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 32 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.

2. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Thông tư này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Trách nhiệm của bên bảo đảm

1. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 33 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.

2. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Thông tư này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 53. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2013.

Điều 54. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc của Công ty Quản lý tài sản và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 54;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Lưu VP, Vụ PC, TTGSNH5.

Ư **THÔNG ĐỐC**
PHÓ THÔNG ĐỐC



Đặng Thanh Bình